

CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 138(2)-2025 /KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
Địa điểm lấy mẫu : **XÍ NGHIỆP PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP NHƠN TRẠCH**
Loại mẫu : Tiếng ồn
Mô tả mẫu : Thầu phụ lấy mẫu
Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Mã số mẫu : K1/01/02.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Khu vực đặt máy phát điện (tọa độ: X= 410629 – Y= 1183405)

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/ Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^(A)	TCVN 7878-2:2010	30 ÷ 130 dBA

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	Tiếng ồn
Đơn vị	dBA
Khu vực đặt máy phát điện	79,8
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85

Ghi chú:

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

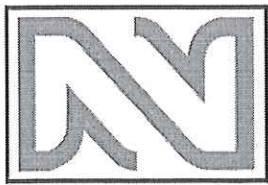
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 138(2)-2025 /KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
Địa điểm lấy mẫu : **XÍ NGHIỆP PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP NHƠN TRẠCH**
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Mã số mẫu : NT1/01/02.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Tại hồ ga cuối cùng trước khi vào hệ thống cống của KCN (tọa độ: X= 410692 – Y= 1183429)

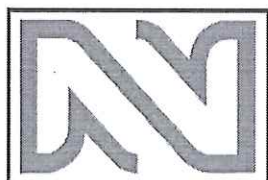
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL)/ Phạm vi đo	Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Vinatex Tân Tạo	Phương pháp phân tích
1	pH ^(a) (28,6°C)	-	7,11	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2	TDS ^(a) (*)	mg/L	581	0 ÷ 1.999	-	HD-QT-16*
3	BOD ₅ ^(a)	mg/L	20,1	1,0	≤ 100	SMEWW 5210B:2017
4	TSS ^(a)	mg/L	30,0	4,0	≤ 200	TCVN 6625:2000
5	Dầu, mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,500	0,3	≤ 20	SMEWW 5520.B&F:2017
6	Sunfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	≤ 0,5	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
7	Amoni ^(a)	mg/L	1,68	0,07	≤ 15	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017
8	Nitrat ^(a)	mg/L	0,889	0,12	-	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
9	Photphat ^(a)	mg/L	KPH	0,03	-	SMEWW 4500-P.E:2017
10	Chất hoạt động bề mặt ^(a)	mg/L	0,150	0,03	-	SMEWW 5540.B&C:2017
11	Coliform ^(a)	MPN/100mL	3.500	2	≤ 8.000	SMEWW 9221B:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(*) : Các chỉ tiêu đo hiện trường

*HD-QT-16: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo TDS tại hiện trường

KPH: Không phát hiện

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



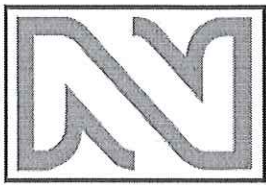
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 138(2)-2025 /KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
: **XÍ NGHIỆP PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP NHƠN TRẠCH**
Địa điểm lấy mẫu : Xã Hiệp Phước, Phước Thiện, Phước Long, Phước An, Long Thọ, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Khí thải
Mô tả mẫu : Mẫu đo trực tiếp tại hiện trường
Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Mã số mẫu : KT1/01/02.06.2025 Lần ban hành : 01
Thông tin lấy mẫu : Khu vực đặt máy phát điện (tọa độ: X= 410629 – Y= 1183405)

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Giới hạn phát hiện/Phạm vi đo
1	NO _x (tính theo NO ₂) ^{(a) (*)}	HD-QT-05	0 ÷ 940 mg/Nm ³
2	SO ₂ ^{(a) (*)}	HD-QT-05	0 ÷ 13.100 mg/Nm ³
3	CO ^{(a) (*)}	HD-QT-05	0 ÷ 11.400 mg/Nm ³
4	Bụi ^(A)	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Vị trí quan trắc	CO	SO ₂	NO _x	Bụi
Đơn vị	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³	mg/Nm ³
Khu vực đặt máy phát điện (KT1/01/02.06.2025)	221,2	0	132,2	32,2
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Cột B) (Kp =1; Kv = 1)	1.000	500	850	200

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

*HD-QT-05: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo Nhiệt độ, Áp suất, NO, NO₂, SO₂, CO, CO₂ và O₂ tại hiện trường

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn - Vimcerts 330)

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



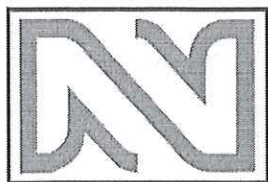
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 138(2)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
: **XÍ NGHIỆP PHÂN PHỐI KHÍ THÁP ÁP NHƠN TRẠCH**
Địa điểm lấy mẫu : Xã Hiệp Phước, Phước Thiện, Phước Long, Phước An, Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước sạch
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Mã số mẫu : NS3/01/02.06.2025
Thông tin lấy mẫu : Nước uống lấy từ vòi của máy lọc nước

Lần ban hành : 01

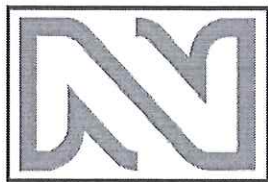
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 6-1: 2010/BYT	Phương pháp phân tích
1	Clo dư ^(b)	mg/L	0	5	SMEWW 4500-Cl:2017
2	Hàm lượng Nitrat ^(b)	mg/L	KPH	50	TCVN 6180:1996
3	Hàm lượng Nitrit ^(b)	mg/L	KPH	3	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2017
4	Bari ^(Δ)	μg/L	221	700	SMEWW 3030A&K SMEWW 3113B:2023
5	Bromat ^(Δ)	μg/L	KPH	10	US EPA Method 300.1 (Part B)
6	Clorat ^(Δ)	μg/L	KPH	700	US EPA Method 300.1 (Part B)
7	Clorit ^(Δ)	μg/L	KPH	700	US EPA Method 300.1 (Part B)
8	Đồng ^(Δ)	mg/L	KPH	2	SMEWW 3030A&K SMEWW 3111B:2023
9	Mangan ^(b)	mg/L	KPH	0,4	TCVN 6002:1995
10	Stibi ^(Δ)	μg/L	KPH	20	SMEWW 3030A&K SMEWW 3114C:2023
11	Asen ^(Δ)	μg/L	KPH	10	SMEWW 3030A&K SMEWW 3114C:2023
12	Borat ^(Δ)	mg/L	KPH	0,5	SMEWW 3030A&K SMEWW 3113B:2023
13	Cadimi ^(Δ)	μg/L	KPH	3	SMEWW 3030A&K SMEWW 3113B:2023
14	Crom tổng ^(Δ)	μg/L	KPH	50	SMEWW 3030A&K SMEWW 3113B:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 6-1: 2010/BYT	Phương pháp phân tích
15	Cyanid ^(b)	mg/L	KPH	0,07	TCVN 6181:1996
16	Chì ^(A)	µg/L	KPH	10	SMEWW 3030A&K SMEWW 3113B:2023
17	Thủy ngân ^(A)	µg/L	KPH	6	SMEWW 3030A&K SMEWW 3112B:2023
18	Molybden ^(A)	mg/L	KPH	0,07	SMEWW 3125 B:2023
19	Nikel ^(A)	µg/L	KPH	70	SMEWW 3030A&K SMEWW 3113B:2023
20	Selen ^(A)	µg/L	KPH	10	SMEWW 3030A&K SMEWW 3114C:2024
21	Florua ^(A)	mg/L	0,092	1,5	US EPA Method 300.1 (Part A)
22	Liên cầu phân ^(A)	CFU/ 250mL	KPH	Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ	TCVN 6189-2:2009 (ISO 7899-2:2000)
23	Pseudomonas aeruginosa ^(A)	CFU/ 250mL	KPH		TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)
24	Bào tử vi khuẩn kỵ khí sinh H ₂ S ^(A)	CFU/ 50mL	KPH		TCVN 6191-2:1996 (ISO 6461-2:1986)
25	E.Coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào	TCVN 6187-1:2019
26	Coliforms ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ Phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



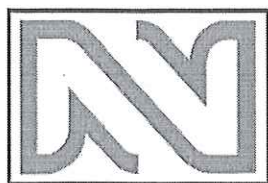
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



Số: 138(2)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 07 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**
: **XÍ NGHIỆP PHÂN PHỐI KHÍ THẤP ÁP NHƠN TRẠCH**
Địa điểm lấy mẫu : Xã Hiệp Phước, Phước Thiện, Phước Long, Phước An, Long Thọ, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai
Loại mẫu : Nước sạch
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 02/06/2025
Mã số mẫu : NS4/01/02.06.2025
Thông tin lấy mẫu : Nước sinh hoạt

Lần ban hành : 01

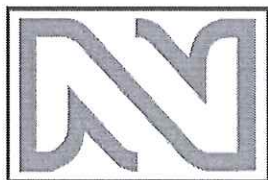
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
1	pH ^(b)	-	7,05	2 ÷ 12	6,0 ÷ 8,5	TCVN 6492:2011
2	Hàm lượng Clo dư ^(b)	mg/L	0	0 ÷ 5	0,2 ÷ 1,0	SMEWW 4500-Cl:2023
3	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 ÷ 1000	2	SMEWW 2130B:2023
4	Độ màu ^(b)	Pt-Co	0	0 ÷ 500	15	HD-QT-19*
5	Mùi vị ^(A)	-	Không có mùi vị lạ	-	Không có mùi, vị lạ	SMEWW 2150.B:2017 SMEWW 2160.B:2017
6	Hàm lượng Amoni ^(b)	mg/L	KPH	0,2	0,3	SMEWW 4500-NH3.B&F:2023
7	Chỉ số pecmanganat ^(b)	mg/L	KPH	1,5	2	TCVN 6186:1996
8	Hàm lượng Clorua ^(b)	mg/L	15,6	12	250	TCVN 6194:1996
9	Độ cứng tổng số ^(b)	mg/L	17,0	3,0	300	SMEWW 2340C:2023
10	Hàm lượng sắt tổng số ^(b)	mg/L	KPH	0,15	0,3	TCVN 6177:1996

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, Q.12, TP.HCM, VN
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ)/ Phạm vi đo	QCVN 01-1:2018/BYT	Phương pháp phân tích
11	Hàm lượng As ^(A)	µg/L	KPH	0,3	10	SMEWW 3030A&K SMEWW 3114C:2023
12	Hàm lượng Florua ^(A)	mg/L	0,098	0,02	1,5	US EPA Method 300.1 (Part A)
13	Coliform ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<3	TCVN 6187-1:2019
14	Escherichia coli ^(b)	CFU/100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 6187-1:2019

Ghi chú: Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(b): Các chỉ tiêu đã được Valas công nhận

^(A): Các chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện (Công ty Cổ phần Dịch vụ Sắc ký Sài Gòn, Vimcerts 330)

*HD-QT-19: Phương pháp nội bộ hướng dẫn đo Độ màu

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.